

Bản án số:09/2019/HS-ST
Ngày 26/4/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÔNG, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tâm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông R'Mah In và ông Nguyễn Thanh Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Niêm - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 06/2019/TLST-HS ngày 27 tháng 3 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2019/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 4 năm 2019 đối với bị cáo:

A T (tên gọi khác: Đ), sinh ngày 17 tháng 3 năm 1993 tại K, Đắk Lắk; ĐKHKT: Buôn Kh, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hoá: 0/12 (không biết chữ); dân tộc: Bru - Vân Kiều; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Thoong N (đã chết) và bà H N, sinh năm 1955; Bị cáo có vợ là H L N, sinh năm 1991 và 04 con (con lớn nhất sinh năm 2010, hai con nhỏ nhất sinh năm 2016); Tiền án: có 01 tiền án. Ngày 22/9/2016, bị Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tuyên bản án số 62/2016/HSST xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 BLHS 1999. Ngày 24/11/2016, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, xử phạt bị cáo 01 năm 09 tháng tù. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 02/02/2018; tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/01/2019 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

* **Bị hại:** Ông Y S , sinh năm 1967 và bà Huỳnh Thị Cẩm V , sinh năm 1977 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Đồng trú tại: Buôn C, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng thời là người làm chứng:**
Hà Văn C (có đơn xin xét xử vắng mặt)

ĐKHKT: Thôn E, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk

(hiện đang chấp hành án tại Trại Giam Đ, huyện M, tỉnh Đắk Lắk)

*** Người làm chứng:** Ông Y B, sinh năm 1955 (vắng mặt)

Trú tại: Buôn C, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk

*** Người bào chữa cho bị cáo A T:** Ông Ngô Đình Kh – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đắk Lắk. (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chiều tối ngày 18/4/2018, Hà Văn C điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 47K – 010.62 chở theo A T (tên thường gọi: Đ) đi đến cửa hàng tạp hóa tại Buôn C, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk để đổ xăng. Trong lúc đang đổ xăng, C rủ A T đi trộm cắp tài sản nhà ông Y S gần đó thì A T đồng ý. C chở A T đến cách nhà ông Y S khoảng 200m thì dừng xe lại, C gửi xe ở quán bi da S rồi cùng A T trèo qua tường rào đi vòng ra phía sau nhà ông Y S, thấy cửa sổ sau nhà ông Y S mở, chỉ có khung sắt bảo vệ bên trong nên C dùng một cây gỗ tròn, dài 2,5cm, đường kính 10cm bẫy gãy khung sắt cửa sổ cho A T chui vào nhà, sau đó A T mở cửa bên hông cho C vào. Khi vào trong nhà, C lấy 02 máy laptop để trên bộ phản gỗ sang vườn tiêu nhà bên cạnh (nhà bà H D) để cất giấu rồi quay lại vào nhà ông Y S, C dỡ kết sắt lên cho A T vác ra vườn tiêu sau nhà bà H D. Tại đây, C và A T lấy xẻng trong vườn tiêu đập vài cái vào cửa kết sắt nhưng không mở được nên C và A T bỏ đi. C dùng xe moto chở A T mang 02 máy laptop đi theo hướng Thôn E, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, đến ngã ba đường bê tông, C giấu 02 máy vì tính xách tay vào bụi cỏ bên đường rồi về nhà ngủ.

Bị can A T sau khi gây án đã bỏ trốn khỏi địa phương và bị truy nã, đến ngày 08/01/2019 thì ra đầu thú.

Vật chứng của vụ án thu giữ gồm:

- 01 máy laptop hiệu ASUS và 01 máy laptop hiệu FUJITSU; 01 kết sắt màu xanh nhãn hiệu VIET NHAT COMPANY. Trong kết sắt có 35.000.000 đồng tiền mặt, 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng; 01 nhẫn khâu kim loại màu vàng

(nhấn tròn); 07 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (và tài sản gắn liền với đất) số AI 469380; số M 824906; số O 353659; số AM 089552; số BS 660410; số CE 298460; số BS 660356.

- 01 xe mô tô loại WAVE S màu đỏ đen có biển kiểm soát 47K1 – 010.62.

- 01 cây gỗ dài 2,5m, có đường kính 10cm; 01 cái xẻng dài 1,2m trong đó lưỡi xẻng dài 42 cm và cán gỗ dài 78cm;

Tại bản kết luận định giá số 13/BB-HĐ ngày 08/5/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Krông Bông kết luận: 01 kết sắt màu xanh nhãn hiệu VIET NHAT COMPANY; 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng, loại vàng 96,51% , trọng lượng 03 chỉ; 01 nhẫn khâu kim loại màu vàng (nhấn tròn) loại vàng 99,83%, trọng lượng 01 chỉ; 01 máy laptop hiệu ASUS và 01 máy laptop hiệu FUJITSU; có tổng trị giá là 18.240.000đ (*mười tám triệu hai trăm bốn mươi ngàn đồng chẵn*). Ngoài ra trong kết sắt còn có 35.000.000 đồng tiền mặt. Tổng giá trị tài sản mà Hà Văn C và A T đã chiếm đoạt là 53.240.000 (*năm mươi ba triệu hai trăm bốn mươi ngàn*) đồng.

Tại bản cáo trạng số: 06/CT-VKS ngày 25/3/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Bông truy tố bị cáo A T về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo A T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Hà Văn C có đơn xin xét xử vắng mặt do đang chấp hành án và có đơn trình bày ý kiến về phân trách nhiệm dân sự đã bồi thường đầy đủ cho bị hại, không yêu cầu A T phải hoàn trả lại số tiền trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các bản khai để giải quyết vắng mặt Hà Văn C.

Bị hại Huỳnh Thị Cẩm V và bị hại Y S có đơn xin xét xử vắng mặt, không có yêu cầu gì thêm về phân trách nhiệm dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát đã đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo A T về tội: “Trộm cắp tài sản”, theo cáo trạng số: 06/CT-VKS ngày 25/3/2019, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

* Về hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo A T mức

án từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam, ngày 08/01/2019.

* Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản và được bồi thường đầy đủ tại bản án số 08/HSST ngày 04/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk. Người bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm.

* Về vật chứng của vụ án: vật chứng đã được xử lý tại bản án số 08/HSST ngày 04/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk.

Về án phí: Bị cáo A T là người đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng có điều kiện đặc biệt khó khăn, thuộc hộ nghèo tại địa phương và có đơn xin miễn án phí nên cần miễn án phí cho bị cáo.

- Ý kiến tranh luận của người bào chữa cho bị cáo: Về tội danh nhất trí với đề nghị của Kiểm sát viên.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm các tình tiết: bị cáo là người bị rủ rê, thực hiện tội phạm với vai trò thứ yếu; bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, bị cáo không biết chữ nên hạn chế về nhận thức pháp luật; bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi bỏ trốn thì bị cáo đã ra đầu thú; gia đình bị cáo khó khăn, vợ bị cáo làm nông và đang nuôi 4 con (lớn nhất sinh năm 2010, hai con nhỏ sinh năm 2016) để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo sớm trở về hòa nhập với cộng đồng và nuôi các con nhỏ.

- Đại diện viện kiểm sát: Không đồng ý với ý kiến của người bào chữa về việc cho rằng bị cáo tham gia với vai trò thứ yếu trong vụ án và tình tiết bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, bị cáo không biết chữ nên hạn chế về nhận thức pháp luật để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì bị cáo là người giúp sức và thực hiện hành vi phạm tội một cách tích cực, bị cáo mới chấp hành xong hình phạt tù ngày 02/02/2018 về tội Trộm cắp tài sản, đã được giáo dục pháp luật nhưng bị cáo lại tiếp tục phạm tội nên cho rằng bị cáo hạn chế về nhận thức pháp luật là không đúng. Do đó VKS giữ nguyên đề nghị đã trình bày.

- Người bào chữa: vẫn giữ nguyên ý kiến, không bổ sung gì thêm.

- Bị cáo: Đồng ý với mức hình phạt mà viện kiểm sát đã đề nghị, đồng ý với các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà người bào chữa đã đề nghị và không có ý kiến tranh luận gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an huyện Krông Bông, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Bông, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp

[2]. Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và những chứng cứ khác thu thập trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, thể hiện:

Vào chiều tối ngày 18/4/2018, tại Buôn C, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, Hà Văn C và bị cáo A T đã trèo tường rào, bẫy cửa sổ lén lút đột nhập vào nhà ông Y S trộm cắp tài sản gồm 01 máy laptop hiệu ASUS, 01 máy laptop hiệu FUJISUT và 01 két sắt trong đó có 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng, loại vàng 96,51% trọng lượng 03 chỉ; 01 nhẫn khâu kim loại màu vàng (nhẫn tròn) loại vàng 99,83%, trọng lượng 01 chỉ có tổng trị giá được định giá là 18.240.000 đồng. Ngoài ra trong két sắt còn có 35.000.000 đồng tiền mặt và 07 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (và tài sản gắn liền với đất). Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 53.240.000 đồng (Năm mươi ba triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng).

Do vậy, hành vi của bị cáo A T đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự, như cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố là có căn cứ và đúng pháp luật.

Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm:

.....

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 2 năm đến 7 năm:

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;

[3] Xét thấy bị cáo có đủ năng lực hành vi và năng lực pháp luật để nhận thức được việc làm của mình. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo tuy là người được rủ rê nhưng lại thực hiện tội phạm một cách tích cực, có vai trò gần bằng với vai trò của Hà Văn C: cả hai cùng trèo rào vào nhà ông Y S, khi C bẫy khung sắt cửa sổ thì bị cáo chui vào nhà để mở cửa cho C vào, bị cáo trực tiếp vác kết sắt ra vườn tiêu và cùng C dùng xẻng đập vài cái vào cửa kết sắt làm hư hỏng kết. Sau đó bị cáo cùng C mang 02 máy laptop trên mang đến ngã ba thôn L, xã P để cất giấu. Tuy nhiên giữa bị cáo và Hà Văn C không có sự bàn bạc, phân công, phân nhiệm từ trước nên đây là vụ án đồng phạm giản đơn.

[4] Xét về nhân thân, cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân xấu. Ngày 24/11/2016, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm bản án sơ thẩm số 62/2016/HSST ngày 22/9/2016 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc và tuyên xử phạt bị cáo 01 năm 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 BLHS 1999. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 02/02/2018, chưa được xóa án tích nhưng lại tiếp tục trộm cắp tài sản của ông Y S vào ngày 18/4/2018 nên bị cáo phạm tội với tính chất “tái phạm”, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Bị cáo mặc dù là người dân tộc thiểu số sống tại vùng có điều kiện đặc biệt khó khăn và không biết chữ nhưng bị cáo đã được giáo dục pháp luật, đã đi cải tạo tập trung, bị cáo trở về địa phương không thay đổi bản thân để trở thành người công dân tốt mà vẫn cố ý tái phạm, sau khi phạm tội đã bỏ trốn gây khó khăn cho việc điều tra tội phạm của cơ quan Cảnh sát điều tra, thể hiện bị cáo ý thức coi thường pháp luật, không có khả năng tự cải tạo và không biết ăn năn, hối cải.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã có thái độ thành khẩn khai báo. Sau khi bị truy nã, bị cáo đã ra đầu thú để được hưởng sự khoan hồng của pháp luật nên cần xem xét cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, giảm nhẹ một phần phạt cho bị cáo, thể hiện tính nhân đạo của pháp luật Nhà nước ta.

[3] Đối với hành vi của Hà Văn C cũng như vấn đề về vật chứng vụ án và trách nhiệm dân sự đã được giải quyết theo bản án số 08/HSST ngày 04/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, người bị hại không có yêu cầu gì thêm nên không đặt ra để giải quyết.

[4] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng chẵn) tiền án phí hình sự sơ thẩm nhưng bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, thuộc hộ nghèo theo quy định của Chính phủ, có đơn xin miễn án phí nên miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Xét đề nghị của Người bào chữa: Đề nghị xem xét bị cáo với vai trò tham gia thứ yếu và đề nghị đề nghị áp dụng tình tiết bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, bị cáo không biết chữ nên hạn chế về nhận thức pháp luật để áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là không phù hợp nên không chấp nhận.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Bông là phù hợp nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo: A T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo A T 02 (hai) năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam, ngày 08/01/2019.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 12, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

3. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tối cao ;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện K ;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk ;
- Phòng PV 27 C an tỉnh Đắk Lắk ;
- CA huyện K ;
- Chi cục THADS huyện K ;
- Bị cáo ; Bị hại ;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ;
- Lưu hồ sơ.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Nguyễn Thị Tâm